TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1329/2025/DS-ST
Ngày: 29 tháng 9 năm 2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thanh Mỹ Xuyên

2. Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Trung Khánh và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt);
Địa chỉ: Số A1 Lô N1 chung cư N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh Q, sinh năm 2002 (có mặt);
Địa chỉ: E/B đường T1, xã T2, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 006332/2025/CCGD, ngày 05/8/2025)

- Bị đơn: Bà Nguyễn T. U, sinh năm 1968 (có mặt);
Địa chỉ: Số A2 đường H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: Số A3 đường A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P. Q1, sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ liên hệ: Số A3 đường A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 04945, quyển số /2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/5/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2021; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/6/2022; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/8/2025; Đơn xin bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/8/2025; các Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

- Vào ngày 20/7/2019 bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn T. U vay số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền

ngày 20/7/2019. Do cần sử dụng số tiền trên nên bà T yêu cầu bà T. U trả lại tiền, bà T. U không đồng ý trả, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy hợp đồng vay tiền giữa ký ngày 20/7/2019.

+ Buộc bà T. U trả một lần số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng.

+ Buộc bà T. U trả một lần số tiền lãi suất nợ quá hạn là 15%/năm, tạm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 08/04/2021 là 191.625.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bà T. U thanh toán là 1.241.625.000 đồng.

- Ngày 21/6/2022 bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà T. U trả các khoản nợ từ ngày 20/7/2019 đến ngày 01/8/2019 như sau: 1.000.000.000 đồng + 37.000.000 đồng + 3.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 152.200.000 đồng. Tổng cộng là 1.392.200.000 đồng.

+ Buộc bà T. U trả một lần số tiền lãi tạm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 08/02/2022 là 156.622.500 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu bổ sung là: 1.548.822.500 đồng.

Khoản nợ này bà T xác nhận cho đến nay bà chưa làm thông báo đòi nợ đối với bị đơn nhưng đã được Tòa án thụ lý theo thông báo thụ lý bổ sung ngày 27/6/2022.

- Ngày 12/8/2025 bà T nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà T. U trả số tiền nợ vay ngày 20/7/2019 là 1.050.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019.

+ Buộc bà T. U trả số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 20/7/2019 theo giấy nhận nợ ghi mực đỏ trong sổ tay và số tiền 150.000.000 đồng mượn ngày 31/7/2019 theo giấy nhận nợ viết mực xanh ghi trong số tay.

Tổng số tiền gốc bà T yêu cầu bà T. U trả là 2.200.000.000 đồng.

- Ngày 28/8/2025 bà T nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Buộc bà T. U trả số tiền nợ vay ngày 20/7/2019 là 1.050.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019.

+ Buộc bà T. U trả số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 20/7/2019 theo giấy nhận nợ ghi mực đỏ trong sổ tay và số tiền 150.000.000 đồng mượn ngày 31/7/2019 theo giấy nhận nợ viết mực xanh ghi trong số tay.

+ Yêu cầu trả lãi suất trong hạn và lãi quá hạn tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/8/2025 là 673.200.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu phải trả là: 2.873.200.000 đồng.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị P. Q1 trình bày tại Bản tự khai ngày 23/5/2022; ngày 25/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Bà Nguyễn T. U và bà Nguyễn Thị T là hai chị em ruột, bà T có cho bà T. U vay tiền nhiều lần, mục đích vay tiền là để mua căn nhà C1/B2/Y đường T3, phường L, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình vay nợ bà T. U cũng đã trả tiền cho bà T nhiều lần, lần gần nhất là trả 300.000.000 đồng vào ngày 27/12/2019, cùng ngày hai bên chốt nợ lại bằng Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 nhưng thực tế là ký vào ngày

27/12/2019. Bà T. U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T bởi các lý do sau:

- Đối với Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 (nhưng thực tế được hai bên ký lại vào ngày 27/12/2019); hợp đồng do bà T soạn sẵn trong đó có điều khoản: " *Trong thời gian hợp đồng, chị T cần lấy tiền lại, chị T sẽ báo trước 01 tháng",* khi ký hợp đồng, bà T. U không đồng ý phương thức trả nợ này vì bà T. U đang vay nợ ngân hàng phải trả dần mỗi tháng nên hai bên đã thỏa thuận lại và bà T đã tự tay gạch bỏ điều khoản trên và ký tên xác nhận phía trên dòng gạch bỏ. Tại phần ký tên và lăn tay bà T có viết thêm đoạn: " *T. U trả nợ Ngân hàng xong thì trả dần cho tôi số tiền trong hợp đồng, từ ngày hết nợ ngân hàng lãi suất là 0,6% là 1tỷ. 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng)".* Điều này thể hiện bà T cho bà T. U vay tiền kỳ hạn trả nợ là cho đến khi bà T. U trả nợ ngân hàng xong. Hiện nay bà T. U còn nợ ngân hàng Vietcombank số tiền nợ gốc là 588.856.000 đồng nên bà T. U không đồng ý trả nợ cho bà T vì chưa đến hạn. Trong thời gian vay tiền, bà T. U đóng lãi cho bà T hằng tháng đầy đủ không vi phạm nhưng từ khi bà T khởi kiện (lần khởi kiện lần đầu tiên ngày 18/02/2020) thì bà T không chịu nhận lãi nữa.

** Tại phiên toà sơ thẩm:*

- Nguyên đơn xin rút T. U lại một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn nộp ngày 12/8/2025 và yêu cầu giải quyết như sau:

+ Hủy Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019;

+ Yêu cầu bà T. U trả số tiền nợ vay 1.050.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019. Khoản nợ này bà T đã lập vi bằng thông báo đòi nợ vào ngày 13/01/2020;

+ Yêu cầu bà T. U trả số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 20/7/2019 theo giấy nhận nợ ghi mực đỏ trong sổ tay và số tiền 150.000.000 đồng mượn ngày 31/7/2019 theo giấy nhận nợ viết mực xanh ghi trong số tay. Khoản nợ này bà T chưa thực hiện thủ tục thông báo đòi nợ theo quy định.

+ Về nợ lãi: Yêu cầu trả lãi suất quá hạn, tạm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 20/8/2025 là 673.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T xác nhận trong hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 bà T có gạch bỏ điều khoản: " *Trong thời gian hợp đồng, chị T cần lấy tiền lại, chị T sẽ báo trước 01 tháng"* và ký nháy vào phía trên dòng gạch bỏ. Tại phần ký tên và lăn tay bà T có viết thêm đoạn: " *T. U trả nợ Ngân hàng xong thì trả dần cho tôi số tiền trong hợp đồng, từ ngày hết nợ ngân hàng lãi suất là 0,6% là 1tỷ. 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng)"*

- Bị đơn xác nhận còn nợ bà T số tiền 1.050.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 (thực tế ký ngày 27/12/2019) nhưng không đồng ý trả vì chưa đến hạn, bị đơn chỉ đồng ý trả lãi của số nợ gốc trên tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày xét xử.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và 150.000.000 đồng đã được hai bên chốt nợ và tính vào Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 (nhưng thực tế được hai bên ký lại vào ngày 27/12/2019) nên bà T. U không đồng ý trả.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng,

thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm, cần khắc phục. Đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn T. U có ký Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019; căn cứ quy định tại Điều 117; Điều 120; khoản 3 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu Hủy hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 (thực tế ký ngày 27/12/2019). Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc là 1.050.000.000 đồng vì chưa đến hạn trả. Đối với số tiền nợ 1.000.000.000 đồng và 150.000.000 đồng, nguyên đơn chưa thực hiện nghĩa vụ báo trước một thời gian hợp lý nên đình chỉ xét xử yêu cầu này. Về yêu cầu trả lãi: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ lãi trên số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận 0,3%/tháng tính từ ngày 20/01/2020 đến 29/9/2025 là 215.145.000 đồng. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T. U trả số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019, nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà Nguyễn T. U đang cư trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 và buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Vào ngày 27/12/2019 bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn T. U có ký kết Hợp đồng vay tiền nhưng ghi ngày 20/7/2019, theo nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận số tiền vay là 1.050.000.000 đồng; lãi suất 0,3%/tháng (mỗi tháng 3.150.000 đồng); thời hạn vay ban đầu ghi " *Trong thời gian hợp đồng, chị T cần lấy tiền lại, chị T sẽ báo trước 01 tháng"* nhưng sau đó hai bên thỏa thuận lại thời hạn vay nên bà T đã tự tay gạch bỏ điều khoản trên và ký tên xác nhận phía trên dòng gạch bỏ. Tại phần ký tên và lăn tay bà T có viết thêm đoạn: " *T. U trả nợ Ngân hàng xong thì trả dần cho tôi số tiền trong hợp đồng, từ ngày hết nợ ngân hàng lãi suất là 0,6% là 1tỷ. 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng)".* Căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thể hiện, giao dịch giữa các bên là giao dịch dân sự có điều kiện theo quy định tại Điều 120 Bộ luật Dân sự năm 2015, như vậy điều kiện của hợp đồng là bà T. U trả nợ ngân hàng xong thì mới trả dần cho bà T số tiền vay trong hợp đồng, xét thấy thỏa thuận trên không vi phạm điều cấm của pháp luật**,** không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 120 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.** Các bên khi giao kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật**,** năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện thỏa thuận**,** nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy

định pháp luật**,** nên giao dịch dân sự có điều kiện nêu trên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

- Xét yêu cầu trả nợ gốc 1.050.000.000 đồng: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 0371/HVU.TN19DH ngày 31/7/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương và bà Nguyễn T. U thì hợp đồng có thời hạn cho vay là 180 tháng; căn cứ theo lịch trả nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì đến ngày 10/7/2034 bà T. U mới hết hạn trả nợ ngân hàng; căn cứ vào Giấy xác nhận sao kê tài khoản ngày 24/9/2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cung cấp, tính đến ngày 10/9/2025 bà Nguyễn T. U còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 588.856.000 đồng.

Như vậy tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn chưa tất toán khoản vay tại ngân hàng, do đó điều kiện phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chưa xảy ra. Đồng thời, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn đã trả hết nợ ngân hàng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghĩa vụ của bên cho vay: "*không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước thời hạn, trừ trường hợp quy định tại Điều 470 của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan quy định khác"*.

Tại phiên tòa, bà T có trình bày do bà T. U ép bà T xóa nội dung " *Trong thời gian hợp đồng, chị T cần lấy tiền lại, chị T sẽ báo trước 01 tháng"* nên bà T mới gạch bỏ điều khoản trên. Tại phần ký tên và lăn tay bà T có viết thêm đoạn: " *T. U trả nợ Ngân hàng xong thì trả dần cho tôi số tiền trong hợp đồng, từ ngày hết nợ ngân hàng lãi suất là 0,6% là 1tỷ. 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng)"* cũng là do bà T. U ép bà T phải ghi, nếu không ghi như vậy thì bà T. U không đồng ý ký hợp đồng vay tiền, tuy nhiên bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà T bị bà T. U ép buộc, tại phiên tòa bị đơn cũng không thừa nhận sự có việc ép buộc như lời bà T trình bày nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy đối với Hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2019 ký giữa bà T và bà T. U là hợp đồng vay có điều kiện nên bên vay chỉ phải trả nợ khi đến hạn, bên cho vay không có quyền đòi lại tài sản trước thời hạn thỏa thuận, Trong vụ án này, thời điểm đến hạn trả nợ chưa phát sinh nên bị đơn chưa có nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 và buộc bị đơn trả nợ gốc 1.050.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận**.**

[2.2] Đối với yêu cầu đòi bà T. U trả số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 20/7/2019 theo giấy nhận nợ ghi mực đỏ trong sổ tay và số tiền 150.000.000 đồng mượn ngày 31/7/2019 theo giấy nhận nợ viết mực xanh ghi trong số tay, không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất. Tại phiên tòa bà T xác nhận chưa làm thông báo đòi nợ đối với bị đơn. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn: " *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Do nguyên đơn chưa thực hiện nghĩa vụ báo trước "một thời gian hợp lý*",* cũng không có bằng chứng xác nhận có sự thỏa thuận về thời hạn trả nợ giữa hai bên nên chưa đủ căn cứ buộc bị đơn trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn vì chưa đủ điều kiện khởi kiện.

[2.3] Về lãi suất:

- Xét yêu cầu trả lãi trên số tiền gốc: Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 giữa hai bên thỏa thuận lãi suất 0,3%/tháng (tương đương 3,6% /năm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do hai bên có thỏa thuận trả lãi định kỳ hằng tháng,

nên dù chưa đến hạn trả nợ gốc, bị đơn vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn.

- Xét yêu cầu trả lãi quá hạn: Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi quá hạn chỉ phát sinh khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn. Do khoản vay trong vụ án này chưa đến hạn trả gốc nên chưa có căn cứ xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy chưa phát sinh nghĩa vụ trả lãi quá hạn nên không chấp nhận yêu cầu trả lãi quá hạn của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả lãi của số tiền nợ gốc 1.050.000.000 đồng tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 29/9/2025 là: 3.150.000 đồng x 68 tháng 9 ngày = 215.145.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Buộc bị đơn phải trả số tiền lãi nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn nộp ngày 12/8/2025. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, điều 120; Điều 463, khoản 3 Điều 465, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1.1. Buộc bà Nguyễn T. U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi là 215.145.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 (thực tế ký ngày 27/12/2019). Thời hạn trả lãi tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 29/9/2025. Bà Nguyễn T. U có nghĩa vụ thanh toán một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đòi hủy Hợp đồng vay tiền ngày 20/7/2019 ký giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn T. U;

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đòi trả số tiền nợ gốc 1.050.000.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 20/7/2019 (thực tế ký ngày 27/12/2019) vì chưa đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng;

1.4. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc đòi bà Nguyễn T. U trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (ghi mực đỏ) và 150.000.000 đồng (ghi mực xanh) ghi cùng một trang giấy trên sổ tay vì chưa đủ điều kiện khởi kiện.

1.5. Không chấp nhận yêu cầu đòi trả lãi quá hạn của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền nợ gốc 1.050.000.000 đồng (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) và 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T do bà T rút yêu cầu khởi kiện theo Đơn nộp ngày 12/8/2025.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn T. U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi phải trả là 10.757.250 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV3, Tp.HCM;
- Cơ quan THADS,Tp.HCM.
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi